

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BGM
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BGM, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lượng
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phan Tấn Lâm
Bà Nguyễn Thị Mùa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 104/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn 1, xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn 1, xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông Trần Văn T kết hôn năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước ngày 30 tháng 12 năm 2004. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường đánh đập bà Y. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung trở nên mệt mỏi không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn ông Trần Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y và ông T có hai người con chung là Trần Lê Văn Châu, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Trần Lê Minh Kh, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi con là Trần Lê Minh Kh; con lớn Trần Lê Văn C đã trên 18 tuổi nên bà Y không có yêu cầu gì. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T và bà Y kết hôn năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước ngày 30 tháng 12 năm 2004. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông T và bà Y sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống. Nay bà Y yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T còn thương con. Trường hợp bà Y cương quyết ly hôn thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông T và bà Y có hai con chung là Trần Lê Văn Châu, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Trần Lê Minh Kh, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con chung là Trần Lê Minh Kh cho đến khi con trưởng thành.

Ngoài ra ông T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng, hiện nay nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; giao con chung là Trần Lê Minh Kh, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Văn T, ông T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn 1, xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện BGM xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

Trong phiên tòa ngày 16 tháng 01 năm 2025, ông T đề nghị để vợ chồng ông hòa giải, nếu sau tết nguyên đán năm 2025 không được thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau đó ông T không hợp tác, không có mặt và Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, nên lần vắng mặt này Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[a] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Y ông T được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước, đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Y, Hội đồng xét xử thấy: Bà Y trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 09 tháng 01 năm 2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T bà Y cư trú được biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đại diện Thôn 1, xã BT đã nói chuyện hòa giải cho ông T bà Y nhưng không có kết quả. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà Y ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Y.

[b] Về con chung: Bà Y và ông T có hai con chung là Trần Lê Văn Châu, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Trần Lê Minh Khang, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017 (*con lớn Trần Lê Văn Châu đã trên 18 tuổi nên bà Y không có yêu cầu*). Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung Trần Lê Minh Kh và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án thì cháu Khang mong muốn được sống với mẹ, nên để bảo đảm quyền lợi, cũng như sự ổn định của con chưa thành niên. Do đó, cần giao con chung là Trần Lê Minh Khang, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017 cho

bà Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng. Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bà Lê Thị Y yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Y đã rút yêu cầu này. Xét thấy, việc bị đơn rút một phần yêu cầu của họ là tự nguyện đúng với quy định tại khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BGM tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[d] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y.

1/ Đình chỉ xét xử đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị Y.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Y được ly hôn ông Trần Văn T.

3/ Về việc nuôi con: Giao cho bà Lê Thị Y trực tiếp nuôi con chung là Trần Lê Minh Kh, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, bà Y và ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008284 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BGM;
- THADS huyện BGM;
- Các đương sự;
- UBND xã BT, huyện BGM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng